

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CHÈ TỈNH THÁI NGUYÊN

Đỗ Thị Bắc - Đỗ Anh Tài (Trường ĐH Kinh tế và QTKD - ĐH Thái Nguyên)

1. Đặt vấn đề

Thái Nguyên là tỉnh miền núi thuộc vùng trung du, miền núi phía Bắc, có tổng diện tích tự nhiên 353.265,53 ha, trong đó diện tích trồng chè là 17.195 ha. Phát triển thị trường chè trong tỉnh Thái Nguyên, ở các địa phương trong nước và nước ngoài. Phát triển thị trường xuất khẩu ở các nước Pakistan, Silanca, Đu Bai, Anh, Nga, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hà Lan, Ấn Độ, Đài Loan, Trung Quốc,... Phát triển thị trường chè đã có sự tăng trưởng, song còn chưa đồng bộ, phải nghiên cứu và giải quyết. Cần thực hiện những giải pháp nhằm phát triển thị trường chè để cải thiện khả năng của những người sản xuất, kinh doanh chè tiếp cận và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của thị trường chè; góp phần phát triển sản xuất, kinh doanh và thúc đẩy tiêu thụ chè.

2. Thực trạng thị trường chè của tỉnh Thái Nguyên

Mức sống và tiêu dùng của người dân ảnh hưởng đến tiêu dùng chè, một người dân trung bình 1 tháng tiêu dùng 0,19 g chè [3]. Người tiêu dùng chè rất khác nhau về giới tính, tuổi, nghề nghiệp, thu nhập, trình độ văn hoá, sở thích và thị hiếu về tiêu dùng chè đã tạo nên sự phong phú và đa dạng về nhu cầu và mong muốn của họ trong việc tiêu dùng chè.

Bảng 1. Chi tiêu đời sống bình quân 1 nhân khẩu 1 tháng ở tỉnh Thái Nguyên

Chỉ tiêu	ĐVT	2002	2004	2006
Tỉnh Thái Nguyên	1.000đ	253,6	340,2	453,2
1. Chia theo khu vực				
- Thành thị	1.000đ		512,2	615,8
- Nông thôn	1.000đ		288,2	380,0
2. Chia theo nội dung chi				
- Chi cho ăn uống, hút	1.000đ	150,1	171,4	238,2
- Chi không phải là ăn uống, hút	1.000đ	103,5	168,8	197,6
3. Chia theo nhóm thu nhập				
- BQ nhóm 20% hộ thu nhập thấp nhất	1.000đ	130,5	160,2	238,0
- BQ nhóm 20% hộ thu nhập cao nhất	1.000đ	455,1	578,0	707,9

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2007 và điều tra[1],[3]

Chè tiêu thụ nội địa chủ yếu là chè xanh chế biến bằng phương pháp thủ công, giá bán cao hơn năm trước. Sản phẩm chè tiêu thụ trong nước đã có những loại chè đặc biệt, cao cấp. Tuy nhiên, lượng chè cao cấp còn ít, chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

Sản lượng chè xuất khẩu năm 2006 đạt 11.806 tấn, tăng 47% so với năm 2005, giá trị xuất khẩu đạt 12 triệu USD (giá trung bình 1.023,39 USD/tấn). Năm 2007 xuất khẩu trực tiếp được 6.718 tấn, doanh thu đạt 7.745.000 USD; xuất khẩu ủy thác 158 tấn, doanh thu đạt 245.000 USD [2]. Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là chè đen và có một số là chè xanh, thị trường xuất khẩu tập trung vào các nước Pakistan, Silanca, Đu Bai, Anh, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hà Lan, Ấn Độ, Đài Loan, Trung Quốc, Nga.

Bảng 2. Các doanh nghiệp chế biến - Tiêu thụ chè xanh nội địa của tỉnh Thái Nguyên năm 2007

Tên sản phẩm	Tồn kho đầu tháng (tấn)	Sản xuất trong tháng (tấn)	Xuất kho tiêu thụ trong tháng (tấn)	Tiêu thụ nội bộ (tấn)	Giá trị SP xuất kho tiêu thụ trong tháng (tr.đ)
1. Trà xanh nguyên chất các loại					
Tháng 1	86,84	262,61	279,09		3.444,10
Tháng 2	70,36	65,00	74,92		732,60
Tháng 3	60,44	239,00	242,01		2.964,00
Tháng 4	57,43	346,88	286,23		3.199,50
Tháng 5	118,08	212,00	236,23		3.911,90
Tháng 6	93,85	411,70	371,18		5.948,20
Tháng 7	134,37	360,33	381,62		9.601,70
Tháng 8	113,08	421,18	337,09		6.782,40
Tháng 9	197,17	364,20	342,42		8.321,20
Tháng 10	218,95	332,99	362,49		7.106,00
Tháng 11	189,45	176,28	141,48		3.487,60
Tháng 12	224,25	244,94	198,07	85,79	3.735,00
2. Các loại chè xanh khác (bao gồm chè hương liệu)					
Tháng 1	487,02	120,00	229,76		2.967,90
Tháng 2	377,26	20,00	71,04		758,20
Tháng 3	326,22	50,00	73,96		1.151,00
Tháng 4	302,26	60,00	133,93		1.653,00
Tháng 5	228,33	98,56	219,54		3.140,60
Tháng 6	107,35	199,60	165,56		2.561,50
Tháng 7	141,39	463,80	344,98		5.832,20
Tháng 8	260,21	194,06	150,87		3.388,90
Tháng 9	303,40	103,90	92,63		1.452,00
Tháng 10	314,67	47,67	77,67		1.229,00
Tháng 11	284,67	147,02	91,71	23,60	1.744,00
Tháng 12	316,38	199,81	116,23	81,47	3.120,40

Nguồn: Cục Thống kê Thái Nguyên[1]

Năm 2007 tỉnh Thái Nguyên đã xuất khẩu giá trị được 7.990.000 USD, năm 2005 - 2007 tăng bình quân là 1,52%, các cơ sở sản xuất, kinh doanh xuất khẩu thị trường không ổn định, vì vậy cần phải có giải pháp để tăng cường xuất khẩu chè của tỉnh Thái Nguyên.

Đến năm 2007 có 39 doanh nghiệp chế biến - tiêu thụ chè, trên 54.400 cơ sở chế biến chè quy mô hộ. So với năm 2002 tăng 10 nhà máy, có 8 hợp tác xã (HTX) chè và 5.284 cơ sở chế nhỏ được nâng cấp. Sản lượng chè búp khô chế biến đạt 26.000 tấn, trong đó chế biến công nghiệp gần 40% sản lượng. Giá trị sản xuất bình quân 1 ha chè của toàn tỉnh là 25 triệu đồng/ha tính theo giá chè búp tươi, 36,5 triệu đồng/ha tính theo giá chè khô. Đối với vùng thâm canh tập trung, chè đặc sản, giá trị sản xuất đạt từ 50 - 60 triệu đồng/ha/năm [2], sản phẩm chế biến chủ yếu là chè xanh và chè đen BTP. Tổng giá trị sản lượng chè toàn tỉnh năm 2006 đạt khoảng 356.000 triệu đồng, chiếm 18,22% cơ cấu giá trị ngành trồng trọt. Trang thiết bị và công nghệ chế biến đạt trình độ khá hiện đại tại các cơ sở chế biến lớn, nhưng trong các hộ gia đình, nhìn chung chế biến còn lạc hậu, thiết bị chưa đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật nên chất lượng không đồng đều và chưa đạt vệ sinh công nghiệp.

Bảng 3: Thị trường xuất khẩu chè Thái Nguyên năm 2007

Chỉ tiêu	Xuất khẩu trực tiếp				Xuất khẩu ủy thác		
	Loại chè	Nước xuất khẩu	SL (tấn)	Doanh thu (1000USD)	Loại chè	SL (tấn)	Doanh thu (1000USD)
Tổng cộng			6.718	7.745		158	245
1. Công ty XNK Thái Nguyên			813	1.073			
	Chè đen	Trung Quốc	756	1.031			
	Chè xanh	Trung Quốc	57	42			
2. C ty TNHH XNK Hoàng Bình			620	905			
	Chè	Trung Quốc	431	550	Chè	59	106
	Chè	SiLanCa	56	96			
	Chè	Hà Lan	28	50			
	Chè	Đu Bai	40	76			
	Chè	Pakistan	65	133			
3. Cty TNHH XNK Trung Nguyên							
	Chè	Pakistan	916	1.282			
4. C. ty Chế biến Chè nông sản			929	773			
	Chè xanh	Pakistan	530	507			
	Chè xanh	Trung Quốc	399	266			
5. Công ty Chè Sông Cầu							
		Nhật					
6. Công ty CP chè Quân Chu			94	103			
	Chè đen	Hà Lan			Chè đen	99	139
	Chè đen	Trung Quốc	59	44			
	Chè xanh	Pakistan	35	59			
7. Công ty Nghĩa Đức Sơn							
	Chè đen	Đài Loan	15	36			
8. DN C,biến chè YJIN Đại Từ			1.682	1.468			
	Chè xanh	Đài Loan	941	865			
	Chè đen	Đài Loan	710	565			
	Chè nhài	Đài Loan	31	38			
9. Công ty XNK Bắc Kinh Đô			127	171			
	Chè xanh	Trung Quốc	127	171			
10. Công ty Cổ phần chè Hà Thái			610	1.011			
	Chè xanh	Trung Quốc	91	146			
	Chè xanh	Pakistan	519	865			
11. Công ty Cổ phần chè Hà Nội			182	288			
	Chè đen	Pakistan	51	63			
	Chè xanh	Pakistan	131	225			
12. Công ty CP XNK Chè Tín Đạt			695	588			
	Chè xanh	Pakistan	92	74			
	Chè nhài	Đài Loan	596	507			
	Chè ủ men	Đài Loan	7	7			
13. C.ty Cổ phần Quân Thành			35	47			
	Chè xanh	Trung Quốc	35	47			

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên và số liệu báo cáo của các Công ty [1],[3]

3. Định hướng, mục tiêu phát triển thị trường chè tỉnh Thái Nguyên

3.1. Định hướng phát triển thị trường chè Thái Nguyên

Tập trung khai thác mọi nguồn lực để khai thác có hiệu quả, bền vững tiềm năng và lợi thế của cây chè Thái Nguyên, trên cơ sở phát triển đồng bộ sản xuất, chế biến, thị trường tiêu thụ chè gắn với việc áp dụng công nghệ cao, kỹ thuật tiên tiến, sản phẩm đa dạng, an toàn và chất lượng cao, nâng cao đời sống, môi trường được cải thiện và bảo vệ, đưa sản phẩm chè Thái Nguyên có thương hiệu, vị thế để tiêu thụ chè Thái Nguyên ở thị trường trong nước và trên thế giới.

3.2. Mục tiêu phát triển thị trường chè của tỉnh Thái Nguyên

Trên cơ sở khai thác mọi nguồn lực, mọi cơ hội và lợi thế, phấn đấu đẩy nhanh tốc độ phát triển thị trường chè với các mục tiêu đến năm 2020 là: Phát triển sản xuất, kinh doanh chè để diện tích chè toàn tỉnh đến năm 2010 gần 18.000 ha. Tạo thị trường tiêu thụ chè Thái Nguyên ổn định, bền vững với cơ cấu thị trường nội tiêu là 70%, xuất khẩu là 30% sản phẩm hàng hóa chè. Để diện tích chè toàn tỉnh đến năm 2020 gần 20.000 ha. Năm 2011 - 2020 trên cơ sở gia tăng khả năng cung ứng của các vùng nguyên liệu chè, khuyến khích các cơ sở đầu tư tăng công suất các nhà máy chế biến chè xuất khẩu, nâng sản lượng chế biến chè khô quy mô công nghiệp lên 15.000 - 20.000 tấn chè/năm. Giá trị thu nhập bình quân 1 ha đạt 50 triệu đồng/năm; giá trị sản xuất trung bình tăng thêm trên 5%/năm.

4. Những giải pháp chủ yếu phát triển thị trường chè của tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020

4.1. Phát triển và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa chè của tỉnh Thái Nguyên

Phát triển và tìm kiếm thị trường tiêu thụ chè trong tỉnh Thái Nguyên và các địa phương trong nước. Củng cố, mở rộng thị trường xuất khẩu, tìm kiếm, tiếp cận với các thị trường có tiềm năng lớn như khu vực Bắc Mỹ, thị trường châu Âu, Nhật Bản, Trung Đông. Tạo cơ chế khuyến khích các cơ sở chế biến chè đầu tư nâng công suất các dây chuyền chế biến chè chất lượng cao, đa dạng hóa, chủng loại, mẫu mã, xuất khẩu sang những thị trường mới.

4.2. Chú trọng nghiên cứu, lựa chọn và mở rộng thị trường chè xuất khẩu

Củng cố, mở rộng thị trường xuất khẩu tập trung vào các nước Pakistan, Silanca, Đu Bai, Anh, Nga, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hà Lan, Ấn Độ, Đài Loan, Trung Quốc... cần phải tìm kiếm, tiếp cận với các thị trường có tiềm năng lớn như khu vực Bắc Mỹ, thị trường châu Âu, Nhật Bản, Trung Đông. Cần phải nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã, xây dựng các thương hiệu mạnh có uy tín trên thị trường xuất khẩu.

4.3. Thiết lập hệ thống thông tin thị trường và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa chè tỉnh Thái Nguyên

Phát triển hệ thống thông tin thị trường chè từ tỉnh đến huyện, xã; cung cấp các thông tin về tình hình thị trường, sản xuất, giá cả, nhu cầu và tiêu thụ chè. Tiếp tục xuất bản bản tin "Sản xuất và thị trường nông sản" trong đó có mặt hàng chè để phát hành hàng tuần. Phát triển hệ thống thu thập và truyền nhận thông tin về thị trường tại trang Website <http://pmard.mard.gov.vn/pmard> để độc giả có thể truy cập thông tin về tình hình cung cầu, giá cả thị trường. Các thông tin khuyến nông, các văn bản chính sách, các tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng, chăm sóc, thu hái, chế biến, bảo quản... tại trang Website <http://khuyennong.mard.gov.vn/khuyennong>.

4.4. Nâng cao giá trị, đảm bảo chất lượng sản phẩm hàng hóa chè Thái Nguyên ổn định, an toàn; áp dụng hệ thống chất lượng đồng bộ từ sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè

Chọn vùng nguyên liệu phù hợp, đảm bảo các yếu tố an toàn và chất lượng, áp dụng những giải pháp về kỹ thuật canh tác phù hợp với từng giống chè, từng vùng sinh thái, ứng dụng

công nghệ mới, vật liệu mới, vật tư mới vào sản xuất chè. Thâm canh chè theo hướng sản xuất chè an toàn, chất lượng cao, chuyên giao công nghệ chế biến, khuyến khích các doanh nghiệp thu mua sản phẩm và chế biến chè cho dân. Thiết lập một hệ thống tổ chức, quản lý phù hợp. Xây dựng được những mô hình chè sạch thiết thực trên cơ sở áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật tiên tiến.

4.5. Lựa chọn hệ thống phân phối và trung gian phân phối phù hợp với các loại sản phẩm chè

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh chè có các chiến lược phân phối sản phẩm hàng hoá chè, cần phân tích và dự đoán thị trường để lựa chọn kênh phân phối và các trung gian phân phối cho phù hợp với sản phẩm chè, với cơ sở sản xuất, kinh doanh mình, phải hợp lý và đạt hiệu quả.

4.6. Giải pháp tăng cường các hoạt động xúc tiến hỗn hợp nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm chè trên thị trường

Thông qua các hoạt động xúc tiến hỗn hợp của các cơ sở sản xuất, kinh doanh chè can thiệp vào thị trường chè thể hiện trách nhiệm với khách hàng, đảm bảo hàng hoá chè sử dụng đúng mục đích và đạt hiệu quả cao. Những hoạt động xúc tiến hỗn hợp bao gồm: Quảng cáo về chè, các phương pháp kích thích tiêu thụ chè, tuyên truyền cho sản phẩm hàng hoá chè, xúc tiến bán hàng sản phẩm hàng hoá chè, dịch vụ sau bán mặt hàng chè.

4.7. Nâng cao nhanh trình độ dân trí, tay nghề cho người lao động, trình độ tổ chức, quản lý cho đội ngũ cán bộ sản xuất, kinh doanh chè

Tỉnh Thái Nguyên cần phát triển hệ thống giáo dục phổ thông các cấp để từng bước nâng cao dân trí. Tăng cường đào tạo phát triển nguồn nhân lực, công tác tuyên truyền và vận động người trồng chè thực hiện sản xuất chè chất lượng cao, an toàn. Công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ và nông dân sản xuất chè cần nâng cao nhận thức cho người sản xuất, đặc biệt trong việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất chè theo hướng nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn sản phẩm hàng hoá chè.

4.8. Vận dụng tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước trong phát triển sản xuất, kinh doanh và phát triển thị trường chè

Vận dụng tốt các chính sách đất đai, chính sách phát triển kết cấu hạ tầng vùng trồng chè, chính sách đưa tiến bộ về khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất chè, chính sách về đầu tư phát triển chè và vay vốn tín dụng

Summary

Expand product market for Thai Nguyen tea

Being a mountainous province in the north of Vietnam, Thai Nguyen covers natural territory of 353.265,53 ha. The province has a large area of tea growing and producing (17.195ha). In the last few years, marketing for Thai Nguyen tea has developed speedily. However, Thai Nguyen tea product is only known domestically. Its regular international partners are Russia, India, China, and Japan... Recently, the province has placed high priority on tea production; it is urgent that solutions to expand the potential market for tea products should be seriously considered. This will help to considerably improve farmers' standard of living.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, Số liệu thống kê và báo cáo, năm 2004 - 2007. Niên giám Thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2004 - 2006. Thái Nguyên - Năm 2007
- [2]. Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên. Số liệu thống kê, báo cáo về chè và phát triển sản xuất chè năm 2004 - 2007.
- [3]. Số liệu tác giả điều tra nghiên cứu về chè và phát triển thị trường chè của tỉnh Thái Nguyên.